

Số: 02/BC-TTĐVVVLGDNN

Hải Dương, ngày 02 tháng 01 năm 2025

BÁO CÁO
Phân tích và đánh giá tình hình lao động thất nghiệp Quý IV năm 2024

Báo cáo Phân tích và đánh giá tình hình lao động thất nghiệp Quý IV năm 2024 trên nguồn số liệu tổng hợp từ kết quả lao động nộp hồ sơ đề nghị hưởng TCTN (tính từ ngày 01/10/2024 đến 31/12/2024) tại Trung tâm và số liệu từ phòng nghiệp vụ của cơ quan BHXH tỉnh; kết quả thu thập thông tin về BHTN tháng 10, 11, 12 năm 2024 (theo CV số 81/CVL-TTQGDVVVL của Cục Việc làm - Bộ LĐTBXH). Quý IV/2024 tỷ lệ người lao động bị mất việc làm giảm 20,9 % so với quý III/2024.

I. PHÂN TÍCH MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ LAO ĐỘNG NỘP HỒ SƠ HƯỞNG TCTN QUÝ IV/2024

1. Cơ cấu nghề nghiệp của người lao động trước khi thất nghiệp

STT	Danh mục nghề nghiệp	Số lượng
1	Kế toán	67
2	Nhân viên bán hàng	95
3	Tư vấn tài chính, đầu tư	5
4	Giao dịch viên ngân hàng	6
5	Phân tích phát triển phần mềm và các ứng dụng	6
6	Kỹ thuật xây dựng	14
7	Kỹ thuật viên điện tử	39
8	Luật sư	0
9	Bác sỹ y khoa	15
10	Giáo viên dạy nghề	26
11	Lao động trồng trọt và làm vườn	1
12	Đầu bếp	11
13	Hướng dẫn viên du lịch	1
14	Thợ hàn	20
15	Thợ may, thêu và các thợ có liên quan	459
16	Thợ lắp ráp	168
17	Lái xe khách, xe tải, xe máy	77

18	Người quét dọn và giúp việc gia đình, khách sạn và văn phòng	98
19	Nhân viên dịch vụ bảo vệ	49
20	Người đưa tin, người giao hàng	0
21	Nghề nghiệp khác	1.379
Tổng cộng:		2.536

Qua bảng số liệu ta thấy:

- Ngành nghề Nghề nghiệp khác (Lao động phổ thông: 917 người (là, cắt chỉ, đóng gói, kho, in, cắt, chạy chuyên, mài...), nhân viên kiểm hàng: 87 người; Công nhân điện tử: 79 người, vận hành máy: 43 người, quản lý doanh nghiệp, hành chính nhân sự, nhân viên văn phòng, trợ lý giám đốc, phiên dịch...:253 người) chiếm tỷ lệ cao nhất là 1.379 người, chiếm 43%, giảm 24,23% so với Quý III/2024;

- Ngành nghề Thợ may, thuê và các thợ có liên quan là 459 người, chiếm 14,31%, giảm 26,56% so với Quý III/2024;

- Ngành nghề Thợ lắp ráp là 168 người, chiếm 5,24%, giảm 1,75% so với Quý III/2024;

- Các ngành nghề Kế toán, Nhân viên bán hàng, Tư vấn tài chính, đầu tư, Giao dịch viên ngân hàng, Phân tích phát triển phần mềm và các ứng dụng, Kỹ thuật xây dựng, Kỹ thuật viên điện tử, Bác sỹ y khoa, Giáo viên dạy nghề, Lao động trồng trọt và làm vườn, Đầu bếp, Thợ hàn, Lái xe khách, xe tải, xe máy, Người quét dọn và giúp việc gia đình, khách sạn và văn phòng, Nhân viên dịch vụ bảo vệ là 530 người, chiếm 30,89%, tăng so với Quý III/2024.

2. Lao động thất nghiệp theo độ tuổi

a. Về giới tính:

Tổng số lao động nộp hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp Quý IV/2024 là 2.536 người, giảm 20,92% so với Quý III/2024. Trong đó:

- Nam là 918 người chiếm 36,2%, giảm 17,59% so với Quý III/2024;

- Nữ là 1.618 người, chiếm 63,8%, giảm 22,69 % so với Quý III/2024.

S TT	Độ tuổi	Số lượng người		Cộng
		Nam	Nữ	
1	Dưới 35 tuổi	319	697	1.016
2	Từ 35 tuổi trở lên	599	921	1.520
Tổng cộng:		918	1.618	2.536

b. Về độ tuổi:

- Lao động TN dưới 35 tuổi là 1.016 người, chiếm 40,06%, giảm 23,26% so với Quý III/2024;

- Lao động TN từ 35 tuổi trở lên là 1.520 người, chiếm 59,94%, giảm 19,28% so với Quý III/2024

3. Lao động thất nghiệp theo trình độ

Số người đề nghị hưởng BHTN	Chia theo trình độ									
	Người lao động không có bằng cấp chứng chỉ		Người lao động có chứng nhận, chứng chỉ nghề sơ cấp		Trung cấp nghề, trung học chuyên nghiệp		Cao đẳng nghề, cao đẳng chuyên nghiệp		Đại học và trên đại học	
	Số lg	tỷ lệ	Số lg	tỷ lệ	Số lg	tỷ lệ	Số lg	tỷ lệ	Số lg	tỷ lệ
2.536	2.009	79,2%	1	0,04%	80	3,1%	145	5,72%	301	11,87%

Qua bảng số liệu cho thấy:

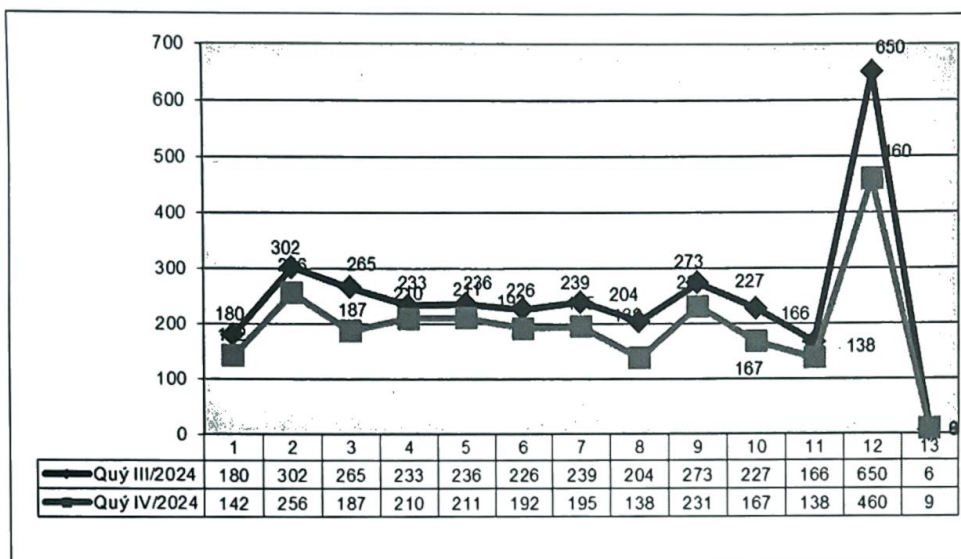
- Số lượng Người lao động không có bằng cấp chứng chỉ cao nhất là 2.009 người, chiếm 79,2%;
- Số lượng người lao động thất nghiệp có trình độ Đại học và trên đại học là 301 người, chiếm 11,87%;
- Số lượng người lao động thất nghiệp có trình độ Cao đẳng, cao đẳng chuyên nghiệp là 145 người, chiếm 5,72%;
- Số lượng người lao động thất nghiệp có trình độ Trung cấp nghề, trung học chuyên nghiệp là 80 người, chiếm 3,1%;
- Số lượng người lao động có chứng nhận, chứng chỉ nghề sơ cấp thất thấp nhất là 1 người, chiếm 0,04%.

4. Lao động thất nghiệp theo khu vực

STT	Huyện, thị xã, thành phố	Theo nơi cư trú của LĐ TN			Theo nơi làm việc của doanh nghiệp
		Tổng số	Nam	Nữ	Tổng số
1	Bình Giang	142	53	89	80
2	Cẩm Giàng	256	101	155	331
3	Gia Lộc	187	55	132	50
4	Kim Thành	210	94	116	286
5	Nam Sách	211	67	144	131
6	Ninh Giang	192	67	125	64
7	Thanh Hà	195	79	116	69
8	Thanh Miện	138	55	83	115
9	Tứ Kỳ	231	69	162	159
10	Thị xã Kinh Môn	167	67	100	70

11	TP Chí Linh	138	52	86	83
12	TP Hải Dương	460	156	304	604
13	Tỉnh ngoài	9	4	5	494
	Tổng cộng:	2.536	1,114	2,093	2.536

a. Lao động thất nghiệp theo nơi cư trú Quý IV/2024



Biểu đồ: Đánh giá lao động thất nghiệp theo nơi cư trú Quý IV/2024 so với Quý III/2024

Qua số liệu tổng hợp cho thấy:

Quý IV/2024 lao động thất nghiệp tại các huyện, thị xã, thành phố cụ thể như sau:

1. Thành phố Hải Dương: 460 người, chiếm 18,14%, giảm 29,2% so với Quý III/2024, trong đó nam chiếm 33,9%; nữ chiếm 66,1%;
2. Huyện Tứ Kỳ: 231 người, chiếm 9,11%, giảm 15,4% so với Quý III/2024, trong đó nam chiếm 29,9%; nữ chiếm 70,1%;
3. Huyện Cẩm Giàng: 256 người, chiếm 10,09%, giảm 15,2% so với Quý III/2024, trong đó nam chiếm 39,5%; nữ chiếm 60,5%;
4. Huyện Nam Sách: 211 người, chiếm 8,32%, giảm 10,6% so với Quý III/2024, trong đó nam chiếm 31,8%; nữ chiếm 68,2%;
5. Huyện Ninh Giang: 192 người, chiếm 7,57%, giảm 15% so với Quý III/2024, trong đó nam chiếm 34,9%; nữ chiếm 65,1%;
6. Huyện Gia Lộc: 187 người, chiếm 7,37%, giảm 29,4% so với Quý III/2024, trong đó nam chiếm 29,4%; nữ chiếm 70,6%;

7. Huyện Kim Thành: 210 người, chiếm 8,28%, giảm 9,9% so với Quý III/2024, trong đó nam chiếm 44,8%; nữ chiếm 55,2%;

8. Huyện Thanh Hà: 195 người, chiếm 7,69% , giảm 18,4% so với Quý III/2024, trong đó nam chiếm 40,5%; nữ chiếm 59,5%;

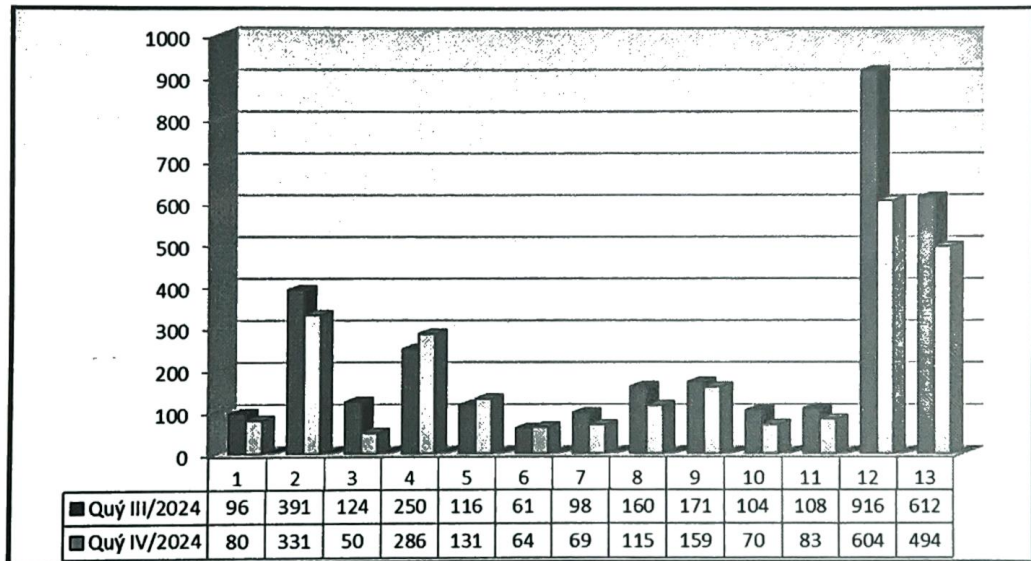
9. Thị xã Kinh Môn: 167 người, chiếm 6,59%, giảm 26,4% so với Quý III/2024, trong đó nam chiếm 40,1%; nữ chiếm 59,9%;

10. Huyện Bình Giang: 142 người, chiếm 5,6%, giảm 21,1% so với Quý III/2024, trong đó nam chiếm 37,3%; nữ chiếm 62,7%;

11. Huyện Thanh Miện: 138 người, chiếm 5,44%, giảm 32,4% so với Quý III/2024, trong đó nam chiếm 39,9%; nữ chiếm 60,1%;

12. Thành phố Chí Linh: 138 người, chiếm 5,44%, giảm 16,9% so với Quý III/2024, trong đó nam chiếm 37,7%; nữ chiếm 62,3%.

b. Lao động thất nghiệp theo nơi làm việc của DN Quý IV/2024



Biểu đồ: Đánh giá lao động thất nghiệp theo nơi làm việc của Doanh nghiệp Quý IV/2024 so với Quý III/2024

Qua số liệu tổng hợp cho thấy:

- Quý IV/2024 lao động thất nghiệp theo nơi làm việc của doanh nghiệp giảm so với Quý III/2024 cụ thể như sau:

1. Doanh nghiệp ở huyện Bình Giang có tổng số lao động nghỉ việc là 80 người, giảm 16,7% so với Quý III/2024;

2. Doanh nghiệp ở huyện Cẩm Giàng có tổng số lao động nghỉ việc là 331 người, giảm 15,3% so với Quý III/2024;

3. Doanh nghiệp ở huyện Gia Lộc có tổng số lao động nghỉ việc là 50 người, giảm 59,7% so với Quý III/2024;

4. Doanh nghiệp ở huyện Kim Thành có tổng số lao động nghỉ việc là 286 người, tăng 14,4% so với Quý III/2024;

5. Doanh nghiệp ở huyện Nam Sách có tổng số lao động nghỉ việc là 131 người, tăng 12,9% so với Quý III/2024;

6. Doanh nghiệp ở huyện Ninh Giang có tổng số lao động nghỉ việc là 64 người, tăng 4,9% so với Quý III/2024;

7. Doanh nghiệp ở huyện Thanh Hà có tổng số lao động nghỉ việc là 69 người, giảm 29,6% so với Quý III/2024;

8. Doanh nghiệp ở huyện Thanh Miện có tổng số lao động nghỉ việc là 115 người, giảm 28,1% so với Quý III/2024;

9. Doanh nghiệp ở huyện Tứ Kỳ có tổng số lao động nghỉ việc là 159 người, giảm 7% so với Quý III/2024;

10. Doanh nghiệp ở Thị xã Kinh Môn có tổng số lao động nghỉ việc là 70 người, giảm 32,7% so với Quý III/2024;

11. Doanh nghiệp ở Thành phố Chí Linh có tổng số lao động nghỉ việc là 83 người, giảm 23,1% so với Quý III/2024;

12. Doanh nghiệp ở thành phố Hải Dương có tổng số lao động nghỉ việc là 604 người, giảm 34,1% so với Quý III/2024;

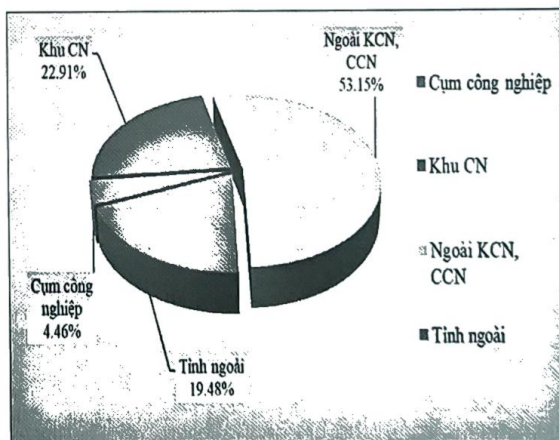
13. Doanh nghiệp tỉnh ngoài với tổng số lao động nghỉ việc là 494 người, giảm 19,3% so với Quý III/2024.

5. Lao động thất nghiệp trong các khu công nghiệp

- Lao động thất nghiệp ngoài khu CN: 1.348 người chiếm 53,15%, giảm 24,48% so với Quý III/2024;

- Lao động thất nghiệp tại Doanh nghiệp tỉnh ngoài: 494 người chiếm 19,48%, giảm 19,3% so với Quý III/2024;

- Lao động thất nghiệp trong KCN, CCN tỉnh Hải Dương: 694 người chiếm 27,37% (Trong đó: Lao động thất nghiệp tại Cụm CN 4,46%. KCN An Phát 1,2 là 1,15%, KCN Cẩm Điền – Lương Điền 0,95%, KCN Cộng Hòa 0,67%, KCN Đại An mở rộng 3,86%, KCN Đại An 3,71%, KCN kỹ thuật cao An Phát 0,35%, KCN Lai Cách 0,04%, KCN Lai Vu 6,19%, KCN Nam Sách 2,41%, KCN Phú Thái 0,91%, KCN Phúc Điền 1,93%, KCN Tân Trường 1,74%), giảm 14,32% so với Quý III/2024.



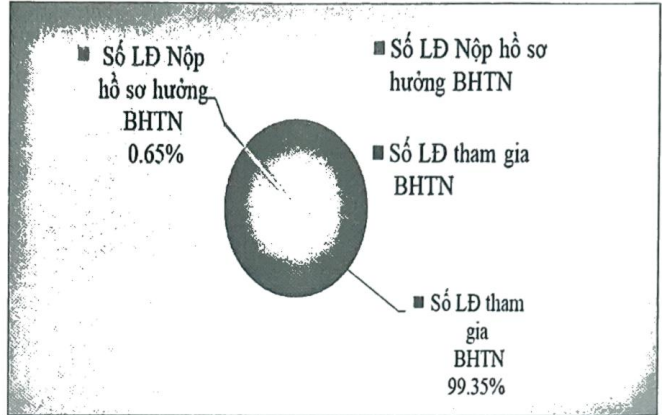
Biểu đồ: Lao động thất nghiệp trong các Khu công nghiệp Quý IV/2024

II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH LAO ĐỘNG THẤT NGHIỆP QUÝ IV/2024

1. Tỷ lệ lao động thất nghiệp so với tổng số lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp

- Tổng số tham gia bảo hiểm thất nghiệp: 386,522 người.

- Số lao động nộp hồ sơ đề nghị hưởng bảo hiểm thất nghiệp (tính từ 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024): 2.536 người, chiếm 0,65% so với tổng số lao động tham gia BHTN.



Biểu đồ: Đánh giá tỷ lệ lao động thất nghiệp so với tổng số lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp

2. Nguyên nhân thất nghiệp

STT	Nội dung	Số người	Tỷ lệ %
1	Do doanh nghiệp, tổ chức giải thể, phá sản, thay đổi cơ cấu...	56	1.75%
2	Hết hạn hợp đồng lao động/hợp đồng làm việc	193	7.61%
3	Chấm dứt hợp đồng lao động/ hợp đồng làm việc trước thời hạn	2245	88.53%
4	NLĐ bị xử lý kỷ luật, sa thải	38	1.50%
5	Do đơn phương chấm dứt chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc trái pháp luật	-	0.00%
6	Mất việc làm do nguyên nhân khác	4	0.16%
	Tổng cộng:	2.536	100

* Qua bảng số liệu cho thấy:

- Số người thất nghiệp do Chấm dứt hợp đồng lao động/ hợp đồng làm việc trước thời hạn là 2.245 người, chiếm 88,53%;

- Số người thất nghiệp do Hết hạn hợp đồng lao động/hợp đồng làm việc là 193 người, chiếm 7,61%;

- Số người thất nghiệp Mất việc làm do nguyên nhân khác là 4 người, chiếm 0,16%;

- Số người thất nghiệp do doanh nghiệp, tổ chức giải thể, phá sản, thay đổi cơ cấu... là 56 người, chiếm 1,75%;
- Số người thất nghiệp do NLD bị xử lý kỷ luật, sa thải là 38 người, chiếm 1,50%;
- Số người thất nghiệp do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc trái pháp luật là 0 người.

3. Loại hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc của lao động thất nghiệp

S TT	Loại hợp đồng lao động	Số người	Tỷ lệ %
1	Hợp đồng lao động từ 3 tháng đến dưới 12 tháng	0	0%
2	Hợp đồng lao động từ 12 đến 36 tháng	1.276	50,3%
3	Hợp đồng lao động không xác định thời hạn	1.260	49,7%
4	Hợp đồng làm việc	0	0%
	Tổng cộng:	2.536	100

** Qua bảng tổng hợp ta thấy:*

- Số người thất nghiệp bị chấm dứt Hợp đồng lao động từ 12 đến 36 tháng cao nhất là 1.276 người chiếm 50,3%;
- Số người thất nghiệp bị chấm dứt Hợp đồng lao động không xác định thời hạn là 1.260 người chiếm 49,7%;

4. Cơ cấu loại hình doanh nghiệp người lao động trước khi thất nghiệp

S TT	Loại hợp đồng lao động	Số người	Tỷ lệ %
1	Đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị xã hội	42	1,66%
2	Doanh nghiệp nhà nước	0	0%
3	Doanh nghiệp tư nhân	1.083	42,71%
4	Doanh nghiệp nước ngoài (FDI)	1.401	55,24%
5	Hợp tác xã	7	0,28%
6	Cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể, hộ kinh doanh	3	0,12%
7	Khác	0	0%
	Tổng cộng:	2.536	100

** Qua bảng tổng hợp ta thấy:*

- Số người lao động thất nghiệp nghỉ việc từ Doanh nghiệp nước ngoài (FDI) cao nhất là 1.401 người, chiếm 55,24%;
- Số người lao động thất nghiệp nghỉ việc từ Doanh nghiệp tư nhân là 1.083 người, chiếm 42,71%;

- Số người lao động thất nghiệp nghỉ việc từ Đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị xã hội là 44 người, chiếm 1.66%;
- Số người lao động thất nghiệp nghỉ việc từ Cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể, hộ kinh doanh là 3 người, chiếm 0.12%.
- Số người lao động thất nghiệp nghỉ việc từ Hợp tác xã là 7 người, chiếm 0.28%;
- Số người lao động thất nghiệp nghỉ việc từ Doanh nghiệp nhà nước là 0 người.

5. Những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện chính sách BHTN

5.1. Về công tác tiếp nhận hồ sơ qua cổng DVCQG:

+ Về phía cơ quan BHXH: Khi người lao động nộp hồ sơ trên Cổng dịch vụ công Quốc gia, cơ quan BHXH không kiểm soát hồ sơ trước khi chuyển sang Trung tâm. Kết quả: dẫn đến hồ sơ sai sót rất nhiều như: quá trình tham gia BHTN chót sai thiếu hoặc thừa số tháng đóng BHTN, dữ liệu tham gia đóng BHTN chưa hưởng của một số người lao động từ giai đoạn 2009-2012 không thể hiện mức tiền lương và tỷ lệ % tham gia đóng BHTN... Trong quá trình thực hiện hệ thống DVC lỗi nên một số hồ sơ bị từ chối, không thể chuyển tiếp tới Trung tâm để xử lý.

+ Về phía người lao động: Một số người lao động (nhất là LĐPT, lớn tuổi, ...) không biết sử dụng phần mềm dịch vụ công qua ứng dụng VNeID.

+ Về phía phần mềm tiếp nhận hồ sơ: Phần mềm không có chức năng bổ sung hồ sơ khi người lao động nộp thiếu: người lao động phải chờ bảo hiểm xã hội hoặc Trung tâm từ chối mới nộp lại hồ sơ;

+ Sau khi Sở LĐ-TB&XH phê duyệt quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp của người lao động: hệ thống phần mềm không gửi tin nhắn lưu ý hướng dẫn người động làm gì sau khi nhận tin nhắn. Bởi vì: nếu người lao động không tải, in Quyết định hưởng TCTN và đọc hết nội dung trên quyết định, phụ lục kèm theo dẫn đến tình trạng người lao động không biết lịch phải thực hiện thông báo tìm kiếm việc làm tháng thứ nhất, kết quả họ bị tạm dừng hưởng TCTN.

5.2. Phần mềm Bảo hiểm thất nghiệp do Cục Việc làm (Bộ Lao động TB và XH) quản lý và phân cấp từ tháng 7 đến nay không hoạt động đã ảnh hưởng rất lớn đến công tác giải quyết BHTN như tiếp nhận hồ sơ, tính hưởng, dự thảo các quyết định, trả kết quả, tiếp nhận thông báo tìm kiếm việc làm hàng tháng và tra cứu dữ liệu Bảo hiểm thất nghiệp;

5.3. Về thu hồi TCTN: Ý thức tuân thủ pháp luật của NLĐ về Bảo hiểm thất nghiệp chưa đầy đủ, vẫn còn tình trạng lao động cố ý trây ỳ không thực hiện quyết định thu hồi, NLĐ chết, NLĐ di chuyển nơi ở, nơi làm việc tới địa phương khác, thay đổi số điện thoại liên lạc. Dẫn đến không thể thực hiện được thu hồi TCTN

5.4. Một số người lao động và người sử dụng lao động chưa nhận thức đầy đủ quyền và trách nhiệm của mình về BHTN. Do đó còn xảy ra tình trạng cố tình hưởng BHTN sai quy định. Phần lớn người sử dụng lao động chưa thực hiện thông báo định kỳ về tình hình biến động lao động theo quy định tại Nghị định 28/2015/NĐ-CP nên chưa cập nhật được tình hình biến động lao động tại các doanh nghiệp.

2. Đề xuất

2.1 Đối với cơ quan BHXH

Tăng cường rà soát, đối chiếu thông tin của lao động trên dữ liệu thu để phát hiện kịp thời và ngăn ngừa đối với lao động hưởng TCTN có việc làm, hưởng lương hưu...; đồng bộ hóa cơ sở dữ liệu tham gia BHXH, BHTN của người lao động với cơ sở dữ liệu BHXH Việt Nam.

2.2 Đối với Trung tâm DVVL - GDNN

Tiếp tục xem xét và thực hiện các thủ tục giải quyết chế độ bảo hiểm thất nghiệp theo đúng quy định của pháp luật. Phối hợp trong việc rà soát, đối chiếu, xác minh lao động hưởng TCTN có việc làm, rà soát số lao động có số tiền TCTN thu hồi chưa nộp. Kịp thời ứng dụng công nghệ thông tin, cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực BHTN. Tiếp tục đẩy mạnh triển khai và tiếp nhận hồ sơ đề nghị hưởng TCTN trên công DVC Quốc gia;

Tăng cường công tác phối hợp giữa các cơ quan có liên quan, các trường nghề, doanh nghiệp trong việc thực hiện chính sách BHTN để tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho NLĐ khi tham gia và thụ hưởng chính sách BHTN;

Tăng cường công tác thông tin thị trường lao động để hỗ trợ NLĐ thất nghiệp. Ngoài ra tập trung chú trọng nâng cao năng lực cho người làm công tác BHTN đặc biệt là kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tư vấn, giới thiệu việc làm, kỹ năng đào tạo nghề và các kỹ năng mềm khác;

Trên đây là báo cáo phân tích và đánh giá tình hình lao động thất nghiệp Quý IV năm 2024 của Trung tâm Dịch vụ việc làm - Giáo dục nghề nghiệp Hải Dương

Trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Cục việc làm;
- Sở LĐTB và XH; (để báo cáo)
- GD và các PGD Trung tâm;
- Lưu VT, DBTTTTLD.



Nguyễn Thị Hoa